TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HS-ST
Ngày 20/3/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn An;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Minh Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1/ Phạm Văn L, sinh năm 2002, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: khu phố LT, phường LH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị Ng; vợ là Trần Thị Kim D (không đăng ký kết hôn); con: có 01 người sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tại Quyết định số 30/QĐ-XPHC ngày 01/11/2023 của Công an phường LH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã xử phạt Phạm Văn L số tiền 1.500.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" (đã nộp phạt ngày 27/11/2023); bị tạm giữ ngày 10/9/2024, tạm giam ngày 16/9/2024 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 2000, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: khu phố LC, phường LH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà

Trần Thị Gi; chồng là Nguyễn Trọng T (đã ly hôn); con: có 01 người sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 10/9/2024, tạm giam ngày 16/9/2024 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*:

1/ Anh Phạm Tấn Đ, sinh năm 2000; cư trú tại: khu phố A, phường T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2/ Ông Phan Văn O, sinh năm 1962; cư trú tại: khu phố LT, phường LH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3/ Anh Phan Minh Ln, sinh năm 1985; cư trú tại: khu phố LT, phường LH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: ông Lê VL, sinh năm 1960; cư trú tại: khu phố G, phường Tr, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn L, Nguyễn Thị Mỹ D sống chung với nhau như vợ chồng và quen biết với anh Phạm Tấn Đ. Vào khoảng 23 giờ ngày 03/6/2024, L và D đến thuê phòng số 06, nhà nghỉ "ML" tại khu phố AB, phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh thì gặp anh Đ. Do không có tiền tiêu xài nên L và D bàn bạc, phân công nhau sẽ nhờ anh Đ chở đi lấy đồ, khi đến khu vực vắng người, D sẽ hỗ trợ cho L cướp xe của anh Đ đem bán thì D đồng ý. Đến 00 giờ 30 phút ngày 04/6/2024, theo sự chỉ dẫn của L, anh Đ điều khiển xe môtô biển số 70L1-431.78 chở L ngồi giữa, D ngồi phía sau đến khu vực đồng ruộng thuộc khu phố AĐ, phường A, thị xã Trảng Bàng thì L kêu anh Đ dừng xe lại để L đi vệ sinh. Khi anh Đ dừng xe, L yêu cầu đưa xe môtô để đi cầm cố thì anh Đ không đồng ý, lúc này L dùng tay phải đánh 02 cái trúng vào vùng đầu và ôm vật anh Đ xuống ruộng lúa. Sau đó, L đứng dậy nhặt 01 khúc gỗ dài 126cm, đường kính 06cm trên đường cầm trên tay phải đánh 01 cái trúng vào vùng đầu bên trái của anh Đ làm anh Đ bất tỉnh. Riêng D khi thấy anh Đ không thể chống cự được, D lập tức khởi động xe môtô chở L chạy đến khu vực xã TLT, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh thuê nhà nghỉ (không rõ tên) để ngủ. Đến khoảng 07 giờ ngày 04/6/2024, L đem xe môtô của anh Đ đến tiệm cầm đồ "QD" thuộc khu phố LT, phường G, thị xã Trảng Bàng bán cho anh Phan Văn Q được số tiền 4.000.000 đồng, cùng D tiêu xài hết.

Tại Cơ quan điều tra, L còn thừa nhận đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản khác, cụ thể:

- Vụ thứ nhất: Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 25/8/2024, anh Phan Minh Ln điều khiển xe môtô nhãn hiệu LISOHAKA, màu xanh, biển số 70F4-7690 đến nhà L tại khu phố LT, phường LH, thị xã Trảng Bàng tìm anh Phạm Văn A (anh của L) để chơi. Do trời mưa và không có anh A ở nhà nên anh Ln dựng xe môtô phía trước nhà L và đi vào trong chờ. Lợi dụng sơ hở, L lén lút lấy trộm xe môtô của anh Ln đem đi bán cho ông Lê VL được số tiền 2.000.000 đồng và tiêu xài hết.

- Vụ thứ hai: Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 26/8/2024, L đang ở trong nghĩa địa thuộc khu phố LT, phường LH, thị xã Trảng Bàng thì phát hiện ông Phan Văn O dựng xe môtô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu đen, biển số 70L2-025.60 ở khu vực bờ ruộng, trên xe có cắm sẵn chìa khóa và không có người trông giữ. L lén lút đi lại lấy trộm xe môtô của ông O đem đến tiệm cầm đồ "QD" bán cho anh Phan Văn Q được số tiền 9.500.000 đồng, tiêu xài hết.

Ngoài ra, L cùng với D có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, cụ thể:

Vào ngày 08/9/2024, L và D đến thuê phòng số 07, nhà nghỉ "ĐK" do bà Nguyễn TV quản lý thuộc khu phố LK, phường G, thị xã Trảng Bàng để lưu trú. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, do có nhu cầu sử dụng chất ma túy nên D đưa cho L số tiền 1.000.000 đồng để đi mua chất ma túy. Lúc này, L đón xe buýt đến khu phố S, phường A, thị xã Trảng Bàng gặp Bùi Thị Kim Ph mua 01 đoạn ống hút chứa chất ma túy và 01 phễu thủy tinh với số tiền 600.000 đồng đem về nhà nghỉ "ĐK". Tại đây, L lấy chai nước suối, ống hút và phễu thủy tinh chế tạo thành bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy. Sau đó, L lấy chất ma túy đổ vào phễu thủy tinh, dùng bật lửa đốt nóng cùng D sử dụng hết thì bị Công an kiểm tra phát hiện.

Tại Kết luận định giá số tài sản số 31/KL-HĐĐGTS ngày 04/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Trảng Bàng, kết luận: Xe môtô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu trắng, biển số 70L1-431.78, trị giá 6.833.300 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 58/KL-HĐĐGTS ngày 07/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Trảng Bàng, kết luận: Xe môtô nhãn hiệu LISOHAKA, màu xanh, biển số 70F4-7690 trị giá 5.067.000 đồng; xe môtô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu đen, biển số 70L2-025.60 trị giá 18.067.000 đồng.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy ngày 10/9/2024 đối với Phạm Văn L, Nguyễn Thị Mỹ D, thể hiện: Dương tính với chất ma túy, loại Methamphetamine.

Cáo trạng số 06/CT-VKSTrB ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng đã truy tố:

- Phạm Văn L về các tội "Cướp tài sản", "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại các điểm a, d khoản 2 Điều 168, khoản 1 Điều 255, khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Nguyễn Thị Mỹ D về các tội "Cướp tài sản" và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", theo quy định tại các điểm a, d khoản 2 Điều 168, khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt:

* Căn cứ các điểm a, d khoản 2 Điều 168; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo **Phạm Văn L** từ 08 đến 09 năm tù về tội "Cướp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo **Phạm Văn L** từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo **Phạm Văn L** từ 12 đến 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn L.

* Căn cứ các điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Mỹ D** từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Mỹ D** từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D.

- Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: đề nghị ghi nhận anh Phan Minh Ln đã nhận lại xe môtô bị mất trộm và không yêu cầu bồi thường. Buộc bị cáo L và bị cáo D có nghĩa vụ bồi thường cho anh Phạm Tấn Đ, ông Phan Văn O, ông Lê VL theo quy định của pháp luật.

- Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo L: bị cáo đã biết hành vi của mình là sai và bị cáo rất hối hận, xin Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án thấp để bị cáo sớm trở về với gia đình.

Bị cáo D: bị cáo xin Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án thấp để bị cáo sớm trở về với gia đình và nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Trảng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, các bị hại đều vắng mặt. Xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố đã thể hiện rõ yêu cầu của bị hại và việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Về hành vi của các bị cáo, tại phiên tòa các bị cáo khai nhận:

Vào khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 04/6/2024, tại khu phố AĐ, phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; sau khi bàn bạc, thống nhất với nhau thì Phạm Văn L, Nguyễn Thị Mỹ D đã dùng vũ lực khống chế, sử dụng đoạn gỗ dài 126cm tấn công làm tê liệt sự phản kháng của anh Phạm Tấn Đ để chiếm đoạt xe môtô trị giá 6.833.300 đồng.

Tiếp tục đến ngày 08/9/2024, tại khu phố LK, phường G, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; D đưa tiền cho L mua chất ma túy và L chuẩn bị bộ dụng cụ để tổ chức cho L và D sử dụng trái phép chất ma túy thì bị kiểm tra, phát hiện.

Riêng đối với Phạm Văn L, vào các ngày 25, 26/8/2024, tại khu phố LT, phường LH, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; L đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt 02 xe môtô các loại của anh Phan Minh Ln và ông Phan Văn O với tổng giá trị là 23.134.000 đồng.

Xét lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Phạm Văn L và Nguyễn Thị Mỹ D là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, chỉ vì lợi ích cá nhân muốn có tiền tiêu xài và thỏa mãn nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy mà các bị cáo đã bàn bạc, thống nhất với nhau và dùng vũ lực, sử dụng đoạn gỗ dài 126cm là phương tiện nguy hiểm để chiếm đoạt tài sản của anh Phạm Tấn Đ; trong vụ án này, trước khi cướp xe môtô của anh Đ, các bị cáo có sự câu kết chặt chẽ, rủ rê, bàn bạc kế hoạch và phối hợp thực hiện hành vi với nhau cụ thể nên thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Ngoài ra, các bị cáo còn cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; riêng bị cáo L còn 02 lần lén lút trộm cắp tài sản của người khác. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định:

- Hành vi của bị cáo Phạm Văn L đã phạm vào các tội "Cướp tài sản", "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại các điểm a, d khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 255; khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D đã phạm vào các tội "Cướp tài sản" và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại các điểm a, d khoản 2 Điều 168, khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

[3] Vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ và xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo một thời gian dài để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử còn xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân cho các bị cáo. Cụ thể:

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo L thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo D không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo L đã tự nguyện khai ra hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo L có ông nội từng tham gia cách mạng, được Nhà nước trao tặng Kỷ niệm chương. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; riêng bị cáo L được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: bị cáo L có 01 tiền sự về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy", đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo D có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Xét tính chất, mức độ và vai trò phạm tội của từng bị cáo, thấy rằng:

Đối với hành vi cướp tài sản: bị cáo L là người khởi xướng, lên kế hoạch và trực tiếp dùng vũ lực khống chế, dùng phương tiện nguy hiểm để tấn công anh Đ để chiếm đoạt tài sản của anh Đ; bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo L nên bị cáo L phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo D .

Đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo D là người đưa tiền cho L mua chất ma túy và L chuẩn bị bộ dụng cụ để các bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự ngang nhau.

[6] Về hình phạt bổ sung: qua điều tra, xác minh các bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Đối với 02 vụ trộm cắp tài sản mà Phạm Văn L thực hiện một mình, Nguyễn Thị Mỹ D không biết nên không chịu trách nhiệm hình sự chung. Riêng Phan Văn Q, Lê VL không biết nguồn gốc xe môtô mà L bán là tài sản do phạm tội mà có nên không xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Đối với hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" của Phạm Văn L, Nguyễn Thị Mỹ D đã bị Công an thị xã Trảng Bàng xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

Riêng Bùi Thị Kim Ph đã bán trái phép chất ma túy cho L, Cơ quan điều tra đang tiếp tục làm rõ, xử lý trong vụ án khác.

Đối với bà Nguyễn TV không biết L, D sử dụng địa điểm do mình quản lý tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên không đề cập xử lý là phù hợp.

[8] Các biện pháp tư pháp:

[8.1] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Phan Minh Ln đã nhận lại xe môtô bị mất trộm và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không đặt ra giải quyết.

Anh Phạm Tấn Đ yêu cầu Phạm Văn L, Nguyễn Thị Mỹ D bồi thường số tiền thiệt hại như Kết luận định giá tài sản là 6.833.300 đồng, làm tròn thành 6.834.000 đồng: tại phiên tòa, bị cáo L và D đồng ý bồi thường cho anh Đ số tiền 6.834.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc bị cáo L và bị cáo D cùng có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Đ số tiền 6.834.000 đồng, trong đó mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường tương ứng với trách nhiệm hình sự mà các bị cáo phải chịu, cụ thể: bị cáo L có nghĩa vụ bồi thường cho anh Đ số tiền 3.527.000 đồng, bị cáo D có nghĩa vụ bồi thường cho anh Đ số tiền 3.307.000 đồng.

Ông Phan Văn O yêu cầu bị cáo L bồi thường số tiền thiệt hại như Kết luận định giá tài sản. Do đó, buộc bị cáo L có nghĩa vụ bồi thường cho ông O số tiền 18.067.000 đồng.

Ông Lê VL yêu cầu bị cáo L bồi thường số tiền 2.000.000 đồng. Do đó, buộc bị cáo L có nghĩa vụ bồi thường cho ông VL số tiền 2.000.000 đồng.

[8.2] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng, bao gồm: 01 (một) đôi dép quai kẹp, màu xanh (đã qua sử dụng); 01 (một) chiếc dép phải, quai ngang, màu đen, có chữ "Gia Phát" (đã qua sử dụng); 01 (một) đoạn cây gỗ hình trụ bị gãy hai đầu, dài 90cm, đường kính 06cm; 01 (một) đoạn cây gỗ hình trụ tròn, bị gãy một đầu, một đầu có đóng 03 cây đinh, dài 36cm, đường kính 06cm; 01 (một) nón vải màu đen xám, có chữ "LV" (đã qua sử dụng); 01 (một) đoạn ống hút nhựa màu hồng, có một đầu hàn kín, bên trong rỗng (đã qua sử dụng); 01 (một) chai nhựa rỗng, có nắp màu xanh được đục hai lỗ tròn, một lỗ gắn ống hút, một lỗ gắn ống thủy tinh đã bị bể, không có phễu (đã qua sử dụng).

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên tòa về mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ.

[10] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về trách nhiệm bồi thường thiệt hại mà mỗi bị cáo có nghĩa vụ phải bồi thường cho bị hại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các điểm a, d khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 255; khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn L 08 (tám) năm tù** về tội "Cướp tài sản", **02 (hai) năm tù** về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và **01 (một) năm tù** về tội "Trộm cắp tài sản"; tổng hợp hình phạt bị cáo Phạm Văn L phải chịu là **11 (mười một) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 10/9/2024.

2. Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Mỹ D 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội "Cướp tài sản", **02 (hai) năm tù** về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; tổng hợp hình phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu là **09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 10/9/2024.

3. Các biện pháp tư pháp:

3.1. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự.

- Ghi nhận anh Phan Minh Ln đã nhận lại xe môtô bị mất trộm và không yêu cầu bồi thường.

- Buộc bị cáo Phạm Văn L có nghĩa vụ bồi thường cho anh Phạm Tấn Đ số tiền 3.527.000 (ba triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn) đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D có nghĩa vụ bồi thường cho anh Phạm Tấn Đ số tiền 3.307.000 (ba triệu ba trăm lẻ bảy nghìn) đồng.

- Buộc bị cáo Phạm Văn L có nghĩa vụ bồi thường cho ông Phan Văn O số tiền 18.067.000 (mười tám triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

- Buộc bị cáo Phạm Văn L có nghĩa vụ bồi thường cho ông Lê VL số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.2. Xử lý vật chứng: căn cứ vào các điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- 01 (một) đôi dép quai kẹp, màu xanh (đã qua sử dụng).

- 01 (một) chiếc dép phải, quai ngang, màu đen, có chữ "Gia Phát" (đã qua sử dụng).

- 01 (một) đoạn cây gỗ hình trụ bị gãy hai đầu, dài 90cm, đường kính 06cm.

- 01 (một) đoạn cây gỗ hình trụ tròn, bị gãy một đầu, một đầu có đóng 03 cây đinh, dài 36cm, đường kính 06cm.

- 01 (một) nón vải màu đen xám, có chữ "LV" (đã qua sử dụng).

- 01 (một) đoạn ống hút nhựa màu hồng, có một đầu hàn kín, bên trong rỗng (đã qua sử dụng).

- 01 (một) chai nhựa rỗng, có nắp màu xanh được đục hai lỗ tròn, một lỗ gắn ống hút, một lỗ gắn ống thủy tinh đã bị bể, không có phễu (đã qua sử dụng).

4. Án phí: căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phạm Văn L, Nguyễn Thị Mỹ D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phạm Văn L phải chịu 1.180.000 (một triệu một trăm tám mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao TP.HCM;
- Phòng KTNV. TATTN;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Phân trại tạm giam khu vực thị xã Trảng Bàng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thư